

Số: 437/SXD-KT

Đắk Nông, ngày 29 tháng 4 năm 2016

V/v công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2015 của Bộ Xây dựng.

Kính gửi :

- Các Sở, Ban, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gia Nghĩa;
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2015 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn xác định Đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1706/UBND-CNXD ngày 25/4/2016 V/v xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Sau khi thống nhất với các Sở, Ban, Ngành tại Biên bản họp số 04/2016/KT ngày 22/4/2016 về kết quả điều tra, khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn Tỉnh Đắk Nông.

Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông công bố đơn giá nhân công xây dựng làm cơ sở lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau :

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng :

Đơn giá nhân công theo hướng dẫn này sử dụng để xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu ... để cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định giá gói thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Để áp dụng cho các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách; các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

2. Nguyên tắc xác định và điều chỉnh đơn giá nhân công:

Đơn giá nhân công xác định theo công bố này đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với trình độ tay nghề theo cấp bậc nhân công trong hệ thống định mức dự toán xây dựng công trình.
- Đã được điều tra, khảo sát đảm bảo phù hợp với mặt bằng giá nhân công xây dựng trên thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định.
- Phù hợp với đặc điểm, tính chất công việc của nhân công xây dựng trong tỉnh
- Đáp ứng yêu cầu chi trả một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp);
- Không tính đến các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp cho nhà nước đã được tính trong chi phí chung bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp.



3. Phương pháp xác định đơn giá nhân công

3.1. Xác định đơn giá nhân công trung bình của thợ phụ

Đơn giá nhân công trung bình thợ phụ theo kết quả khảo sát thực tế tại các huyện, thị xã, được xác định theo công thức :

$$DG_{NC}^{TBTP} = \frac{\sum_1^n a_i}{n}$$

Trong đó:

- DG_{NC}^{TBTP} : Đơn giá nhân công trung bình của thợ phụ;
- a_i : Đơn giá nhân công của thợ phụ thứ i ;
- n : số lượng thợ phụ điều tra, khảo sát thực tế trong vùng ($n \geq 15$)
- Kết quả tính toán : $DG_{NC}^{TBTP} = 136.915$ đồng/ ngày

3.2. Xác định đơn giá nhân công trung bình của thợ chính

Đơn giá nhân công trung bình thợ chính theo kết quả khảo sát thực tế tại các huyện, thị xã được xác định theo công thức :

$$DG_{NC}^{TBTC} = \frac{\sum_1^n a_i}{n}$$

Trong đó:

- DG_{NC}^{TBTC} : Đơn giá nhân công trung bình của thợ chính;
- a_i : Đơn giá nhân công của thợ chính thứ i ;
- n : số lượng thợ chính đã điều tra, khảo sát thực tế trong vùng ($n \geq 15$)
- Kết quả tính toán là : $DG_{NC}^{TBTC} = 234.465$ đồng/ ngày

3.3: Xác định đơn giá nhân công trung bình khảo sát trên địa bàn tỉnh

Đơn giá nhân công trung bình theo kết quả khảo sát thực tế tại các huyện, thị xã được xác định theo công thức :

$$DG_{NC}^{3,5/7} = \frac{DG_{NC}^{TBTC} + DG_{NC}^{TBTP}}{2}$$

$$+ DG_{NC}^{3,5/7} = \frac{DG_{NC}^{TBTC} + DG_{NC}^{TBTP}}{2} = (136.915 + 234.465) / 2 = 185.690 \text{ đồng/ ngày}$$

$$+ DG_{NC}^{3,5/7} = 185.690 \text{ đồng/ ngày}$$

Trong đó :

- $DG_{NC}^{3,5/7}$: là Đơn giá nhân công trung bình tương ứng với thợ bậc 3,5/7.
- DG_{NC}^{TBTC} : Đơn giá nhân công trung bình thợ chính
- DG_{NC}^{TBTP} : Đơn giá nhân công trung bình của thợ phụ;

3.4. Mức lương cơ sở đầu vào để xác định đơn giá nhân công xây dựng (Lnc)

$$- Lnc = 185.690 \cdot 26 / 2,355 = 2.050.080 \text{ (đồng/tháng)}$$

$$- \text{Lấy tròn là } 2.050.000 \text{ (đồng/tháng)}$$

Vậy mức lương cơ sở đầu vào để tính đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được công bố là **2.050.000** (đồng/tháng)

So sánh mức lương cơ sở đầu vào để tính đơn giá nhân công xây dựng (L_{NC}) nêu trên là phù hợp với địa bàn áp dụng mức lương cơ sở đầu vào quy định tại vùng IV theo quy định phân vùng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định và phù hợp với phụ lục I Thông tư số 05/2016/TT-BXD.

3.5 . Kết quả công bố xác định đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh

Đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh được xác định theo công thức sau:

$$G_{NC} = L_{NC} \times H_{CB} \times \frac{1}{t}$$

Trong đó:

- G_{NC}: đơn giá nhân công tính cho một ngày công trực tiếp sản xuất xây dựng.
- L_{NC}: mức lương cơ sở đầu vào theo tháng để xác định đơn giá nhân công
- H_{CB}: hệ số lương theo cấp bậc của nhân công trực tiếp sản xuất xây dựng.
- t: 26 ngày làm việc trong tháng.
- 2,355: là hệ số lương theo cấp bậc tương ứng với bậc 3,5/7 của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng để tính toán theo quy định
- Kết quả tính đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh (có Phụ lục kèm theo)

Ban hành kèm theo các Phụ lục 1,2,3,4

4. Xử lý chuyển tiếp:

- Đối với các dự án, dự toán, các gói thầu đã ký hợp đồng xây dựng trước ngày 01/5/2016 thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

- Đối với các dự án, dự toán, các gói thầu đến ngày 01/5/2016 chưa ký kết hợp đồng xây dựng, Chủ đầu tư tổ chức thực hiện điều chỉnh chi phí nhân công theo công bố đơn giá nhân công của Sở Xây dựng.

- Đối với một số dự án đầu tư xây dựng đang áp dụng mức lương và một số khoản phụ cấp có tính đặc thù riêng do cơ quan có thẩm quyền cho phép thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc đầu tư xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng.

- Thời điểm áp dụng đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ ngày 01/5/2016 và thay thế đơn giá nhân công đã được công bố trước đây.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét hướng dẫn, nếu vượt thẩm quyền thì tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo giải quyết ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Bộ Xây dựng (B/c);
- UBND tỉnh (3/c);
- Lãnh đạo Sở (B/c);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu VP(SXD); KT (Tr).



**Phụ lục số 1: Bảng lương bình quân ngày công
cho công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng**

(Kèm theo Công văn số 437/SXD-KT ngày 29/4/2016 của Sở Xây dựng Đắk Nông)

Bậc thợ	Lương đầu vào căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 13/3/2016 của Bộ Xây dựng và khảo sát thực tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 2.050.000 đồng/tháng	
	Nhóm I	Nhóm II
1	122.212	138.769
2	144.288	163.212
2,2	149.492	169.046
2,3	152.094	171.963
2,4	154.696	174.881
2,5	157.298	177.798
2,7	162.502	183.633
2,8	165.104	186.550
3	170.308	192.385
3,1	173.383	195.696
3,2	176.458	199.008
3,3	179.533	202.319
3,4	182.608	205.631
3,5	185.683	208.942
3,7	191.833	215.565
4	201.058	225.500
4,3	211.938	237.563
4,5	219.192	245.606
5	237.327	265.712
5,5	259.010	288.971
6	280.692	312.231
6,5	305.923	339.433
7	331.154	366.635

Ghi chú:

1) Nhóm I:

- Mộc, nề, sắt, bê tông, cốt pha, hoàn thiện, đào đất, đắp đất;
- Khảo sát xây dựng (bao gồm cả đo đạc xây dựng);
- Vận hành các loại máy xây dựng (máy làm đất, máy đầm, máy nâng hạ, máy khoan, máy đóng cọc, máy bơm, máy hàn...)

2) Nhóm II: - Các công tác không thuộc nhóm I.

*Phụ lục số 2: Bảng lương bình quân ngày công
cho kỹ sư trực tiếp sản xuất xây dựng*

Cấp bậc kỹ sư	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
Hệ số lương	2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89	4,20	4,51
Đơn giá	184.500	208.942	233.385	257.827	282.269	306.712	331.154	355.596

Ghi chú:

Đối với kỹ sư trực tiếp thực hiện một số công tác như khảo sát, thí nghiệm,... được xác định trong hệ thống định mức dự toán hiện hành, cấp bậc, hệ số lương áp dụng theo *Phụ lục số 2*.

Phụ lục số 3: Đơn giá tiền lương nghệ nhân

Cấp bậc	Hệ số lương	Đơn giá ngày công
1	6,25	492.788
2	6,73	530.635

*Phụ lục số 4: Bảng lương bình quân ngày công
cho công nhân lái xe*

Nhóm xe	Cấp bậc	Lương ngày công
Nhóm 1	1	171.885
	2	202.635
	3	240.481
	4	283.846
Nhóm 2	1	197.904
	2	231.808
	3	271.231
	4	319.327
Nhóm 3	1	235.750
	2	275.962
	3	324.058
	4	380.038

Ghi chú:

1. Nhóm 1: Ô tô vận tải thùng, ô tô tự đổ, rơ moóc, ô tô tưới nước, ô tô tải có gắn cần trục tải trọng dưới 7,5T; cần trục ô tô sức nâng dưới 7,5T; xe hút mùn khoan; ô tô bán tải; xe ô tô 7 chỗ dùng trong công tác khảo sát; xe hút chân không dưới 10 tấn; máy nén thử đường ống công suất 170CV.
2. Nhóm 2: Ô tô vận tải thùng, ô tô tự đổ, ô tô tưới nước, rơ moóc tải trọng từ 7,5T đến dưới 25T; ô tô tải có gắn cần trục tải trọng từ 7,5T đến dưới 25T; cần trục ô tô sức nâng từ 7,5T đến dưới 25T; ô tô đầu kéo dưới 200CV; ô tô chuyên trộn bê tông dung tích thùng dưới 14,5m³; xe bơm bê tông; máy phun nhựa đường.
3. Nhóm 3: Ô tô tự đổ, rơ moóc tải trọng từ 25T trở lên; ô tô đầu kéo từ 200CV trở lên; ô tô chuyên trộn bê tông dung tích thùng từ 14,5m³ trở lên; cần trục ô tô sức nâng từ 25T trở lên.

